TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2024/DS-PT
Ngày: 12-4-2024
"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Văn Tâm;

2. Bà Phạm Ngọc Giàu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 485/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023, về trông chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 78/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 465/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

+ Ông Lê Văn N, sinh năm 1972; vắng mặt

+ Bà Trần Kim Q, sinh năm 1976; có mặt

Cùng trú tại: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1996; cư trú tại: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

***Bị đơn*:**

1. Bà Trần Thị P, sinh năm 1948; vắng mặt;

2. Ông Dương Minh M, sinh năm 1968; vắng mặt;

3. Ông Dương Minh N1, sinh năm 1974; vắng mặt;

Cùng trú tại: khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người kháng cáo: bị đơn bà Trần Thị P, ông Dương Minh M, ông Dương Minh N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:**

Vợ chồng ông N, bà Q cho ông M, ông N1, bà P vay số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 20-5-2014 (AL); giấy nợ do bên vay tiền tự viết giấy nợ và ký tên nhận nợ. Mục đích vay làm vốn buôn bán lúa gạo; lãi suất 20.000.000 đồng/tháng/1.000.000.000 đồng; không có thoả thuận thời hạn trả nợ. Ông M1 và ông N1 là người trực tiếp vay tiền; ông M và bà Lê Thị Á (vợ ông M) trực tiếp nhận tiền. Hàng tháng ông N nhận tiền lãi tại nhà của ông M; do ông M, ông N1 và bà P sống chung nhà nên có khi ông M hoặc bà Á, ông N1 trả tiền lãi. Mỗi tháng trả 20.000.000 đồng tiền lãi đến tháng 01/2017 ngưng trả đến nay; ông N đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông M, ông N1 và bà P xin trả vần nhưng đến nay chưa trả nợ. Tính đến tháng 7/2017 trả được số tiền gốc 150.000.000 đồng.

Nay ông N, bà Q yêu cầu bà Trần Thị P, ông Dương Minh M, ông Dương Minh N1 cùng có trách nhiệm trả số nợ gốc là 850.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 01-8-2017 đến khi Toà án xét xử sơ thẩm vụ án.

Bị đơn ông Dương Minh M trình bày: Ngày 20-5-2014 (âm lịch) ông và ông Dương Minh N1 (em trai ông M1) có vay của ông N, bà Q số tiền 1.000.000.000 đồng; khi vay có làm giấy nhận nợ, có ông, ông N1 và bà P (mẹ ông M) cùng ký tên nhận nợ. Mục đích vay tiền để làm vốn buôn bán và làm trại nuôi heo; lãi suất 20.000.000 đồng/tháng/1.000.000.000 đồng; trả tiền lãi đến tháng 01/2017 thì ngưng đến nay. Đến tháng 7/2017 trả được 150.000.000 đồng tiền nợ gốc. Nay ông đồng ý trả nợ theo yêu cầu của ông N, bà Q.

Bị đơn ông Dương Minh N1, bà Trần Thị P: đã được Tòa án triệu nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng nên không có cung cấp lời khai.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số78/2023/DS-ST ngày 14-9-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N, bà Trần Kim Q "Trông chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Trần Thị P, ông Dương Minh M, ông Dương Minh N1.

Buộc bà Trần Thị P, ông Dương Minh M, ông Dương Minh N1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn N, bà Trần Kim Q số tiền 850.000.000 đồng nợ gốc và 513.069.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 1.363.069.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 23-10-2023, bị đơn bà Trần Thị P, ông Dương Minh M, ông Dương Minh N1 kháng cáo, không đồng ý trả nợ như bản án sơ thẩm.

***- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh*:**

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P, ông Dương Minh M, ông Dương Minh N1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trông tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi có đơn kháng cáo, bà Trần Thị P, ông Dương Minh M, ông Dương Minh N1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà P, ông N1, ông M1 theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị P, ông Dương Minh M, ông Dương Minh N1, nhận thấy:

Ông M xác định: có vay tiền như ông N, bà Q trình bày; khi vay có làm giấy nhận nợ; ông cùng ông N1 và mẹ ông là bà P cùng ký tên vào giấy nợ; nay ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại kết luận giám định số 3993 ngày 14-7-2023 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C kết luận: chữ ký của ông N1, ông M trong giấy nợ ngày 20-5-2014 (âm lịch) so với mẫu chữ ký của ông M, ông N1 tại các tài liệu làm mẫu so sánh là cùng một người. Riêng chữ ký của bà P thì không đủ tài liệu kết luận. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông M, ông N1 và bà P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông N, bà Q số tiền nợ gốc 850.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng, ông N và ông M đều xác nhận việc ông N, bà Q nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng do không có tiền trả nợ nên bị đơn đã khất nợ nhiều lần. Nay ông M thừa nhận nợ và đồng ý trả tiền lãi suất theo quy định cho nguyên đơn. Do đó, yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là phù hợp theo Điều 468 Bộ luật Dân sự; nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, ông N1 và bà P; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông M, ông N1, bà P phải bàu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P, ông Dương Minh M, ông Dương Minh N1.

3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 78/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

4.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N, bà Trần Kim Q về "Trông chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Trần Thị P, ông Dương Minh M, ông Dương Minh N1.

4.2. Buộc bà Trần Thị P, ông Dương Minh M, ông Dương Minh N1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn N, bà Trần Kim Q số tiền 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng nợ gốc và 513.069.000 (năm trăm mười ba triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn) đồng tiền lãi suất. Tổng cộng số tiền là 1.363.069.000 (Một tỷ, ba trăm sáu mươi ba triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

4.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải bàu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Chi phí giám định là 4.000.000 đồng. Ghi nhận ông N, bà Q tự nhận chịu (đã nộp đủ).

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

6.1. Bà Trần Thị P, ông Dương Minh M và ông Dương Minh N1 phải bàu 52.892.000 (năm mươi hai triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn) đồng.

6.2. Ông Lê Văn N, bà Trần Kim Q không phải bàu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Văn N, bà Trần Kim Q tiền tạm ứng án phí 26.400.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0027044 ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

7. Án phí dân sự phúc thẩm:

7.1. Bà Trần Thị P phải bàu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0014953 ngày 01-11-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

7.2. Ông Dương Minh M phải bàu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0014952 ngày 01-11-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

7.3. Ông Dương Minh N1 phải bàu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0014951 ngày 01-11-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND thị xã Trảng Bàng;
- CCTHADS thị xã Trảng Bàng;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đương sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tuấn